

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Khôi	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 15/05/2017
Ông Lê Triều Thanh	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 15/05/2017
Ông Bùi Quang Đạo	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Nam Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 15/05/2017

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên	
Ông Lê Trung Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 15/05/2017
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm từ 15/05/2017

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tư Thịnh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Số: 401/2017/UHY ACA- BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa kết luận kiểm toán ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31.4 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2017 đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 28.643.522.004 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0798- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.608.453.481	16.938.263.483
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.367.332.441	4.044.453.298
Tiền	111		2.367.332.441	4.044.453.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.546.468.568	11.693.868.130
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	16.248.063.324	11.226.418.208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		99.410.282	82.621.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.477.359.011	663.192.971
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5;6	(278.364.049)	(278.364.049)
Hàng tồn kho	140		819.630.633	336.439.209
Hàng tồn kho	141	7	819.630.633	336.439.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		875.021.839	863.502.846
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	749.353.200	862.361.081
Thuế GTGT được khấu trừ	152		125.668.639	245.455
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	896.310
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.705.775.673	38.311.228.537
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		3.475.600.532	5.614.888.809
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.475.600.532	5.614.888.809
- Nguyên giá	222		17.575.975.223	19.038.455.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.100.374.691)	(13.423.566.414)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		71.580.000	71.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.580.000)	(71.580.000)
Bất động sản đầu tư	230	11	32.167.742.060	32.555.305.214
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.263.194.728)	(3.875.631.574)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		62.433.081	141.034.514
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	62.433.081	141.034.514
TỔNG TÀI SẢN	270		58.314.229.154	55.249.492.020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		86.957.751.158	84.991.028.120
Nợ ngắn hạn	310		20.389.760.184	17.164.306.098
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	15.857.429.375	11.564.871.915
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.138.318	3.993.929.179
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	25.395.306	211.423.149
Phải trả người lao động	314		675.661.905	515.046.490
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	249.302.778	620.882.473
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.111.111.210	256.431.600
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
Nợ dài hạn	330		66.567.990.974	67.826.722.022
Chi phí phải trả dài hạn	333	15	17.308.616.602	17.736.873.262
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	49.259.374.372	50.089.848.760
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(28.643.522.004)	(29.741.536.100)
Vốn chủ sở hữu	410	18	(28.643.522.004)	(29.741.536.100)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(407.697.258.100)	(408.795.272.196)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(408.795.272.196)	(407.491.365.845)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.098.014.096	(1.303.906.351)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		58.314.229.154	55.249.492.020



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	43.646.460.055	24.423.081.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.646.460.055	24.423.081.352
Giá vốn hàng bán	11	20	38.596.818.176	22.718.923.828
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.049.641.879	1.704.157.524
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.102.522	4.621.125
Chi phí tài chính	22	22	-	33.290.037
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	31.803.516
Chi phí bán hàng	25	23	109.157.597	383.824.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.885.436.615	3.327.790.669
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.057.150.189	(2.036.126.634)
Thu nhập khác	31	24	339.021.624	767.152.378
Chi phí khác	32	25	298.157.717	408.202.375
Lợi nhuận khác	40		40.863.907	358.950.003
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.098.014.096	(1.677.176.631)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.098.014.096	(1.677.176.631)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	30,1	(45,9)



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.098.014.096	(1.677.176.631)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.297.091.461	1.945.743.063
Lãi/ (lãi) hoạt động đầu tư	05	273.111.994	(1.539.145)
Chi phí lãi vay	06	-	31.803.516
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.668.217.551	298.830.803
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(6.977.127.312)	5.347.440.607
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(483.191.424)	137.931.803
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11	1.966.723.038	(2.857.358.045)
Giảm chi phí trả trước	12	191.609.314	37.728.188
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(31.803.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.633.768.833)	2.932.769.840
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(62.480.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	954.545.454	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.102.522	1.539.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	956.647.976	(60.940.855)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	-	813.782.020
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.865.892.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.052.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.677.120.857)	819.718.985
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	4.044.453.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	2.367.332.441



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kê toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 5700688013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 12 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 03 ngày 20/12/2013, Vốn điều lệ của Công ty là: 405.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm linh năm tỷ đồng) được chia thành 40.500.000 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Hoạt động được thực hiện vận chuyển từ khách hàng đến cảng và thời gian thực hiện các hợp đồng ngắn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	11
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: phần mềm máy tính (bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm Win server).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm kế toán	02 - 03

3.9 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư đầu tư vào công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng theo nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh;

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013, sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại Doanh nghiệp, trong đó sửa đổi về mức trích dự phòng giảm giá đầu tư với các khoản đầu tư dài hạn.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, Công ty TNHH Cảng Công-ten- nơ Quốc tế Cái Lân.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	106.798.262	78.005.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.260.534.179	3.966.448.271
	<u>2.367.332.441</u>	<u>4.044.453.298</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	16.248.063.324	(256.628.680)	11.226.418.208	(256.628.680)
- Công ty TNHH Hyundai merchant marine Việt Nam	1.093.736.875	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Lương Sơn	-	-	219.402.090	-
- Công ty cổ phần tiếp vận tân Cảng Miền Bắc	680.900.000	-	141.900.000	-
- Công ty TNHH Xay lúa mì VFM-WILMAR	-	-	1.521.683.130	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	12.658.374.856	-	7.246.961.856	-
- Các đối tượng khác	1.815.051.593	(256.628.680)	2.096.471.132	(256.628.680)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	16.248.063.324	(256.628.680)	11.226.418.208	(256.628.680)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	691.538.210	-	-	-
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	691.538.210	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.477.359.011	(21.735.369)	663.192.971	(21.735.369)
- Phải thu người lao động	575.951.557	-	602.777.555	-
- Phải thu khác	1.901.407.454	(21.735.369)	60.415.416	(21.735.369)
Dài hạn	-	-	-	-
	2.477.359.011	(21.735.369)	663.192.971	(21.735.369)

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	108.952.942	-	112.483.899	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	710.677.691	-	223.955.310	-
	819.630.633	-	336.439.209	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	749.353.200	862.361.081
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.376.049	347.164.434
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	579.977.151	515.196.647
Dài hạn	62.433.081	141.034.514
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	14.494.950	47.449.309
- Chi phí trả trước dài hạn khác	47.938.131	93.585.205
	811.786.281	1.003.395.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2017	1.952.280.000	16.873.899.223	212.276.000	19.038.455.223
- Thanh lý, nhượng bán	(1.462.480.000)	-	-	(1.462.480.000)
30/06/2017	<u>489.800.000</u>	<u>16.873.899.223</u>	<u>212.276.000</u>	<u>17.575.975.223</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2017	(291.230.849)	(12.920.059.565)	(212.276.000)	(13.423.566.414)
- Khấu hao trong kỳ	(76.361.649)	(833.166.658)	-	(909.528.307)
- Thanh lý, nhượng bán	232.720.030	-	-	232.720.030
30/06/2017	<u>(134.872.468)</u>	<u>(13.753.226.223)</u>	<u>(212.276.000)</u>	<u>(14.100.374.691)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2017	<u>1.661.049.151</u>	<u>3.953.839.658</u>	-	<u>5.614.888.809</u>
30/06/2017	<u>354.927.532</u>	<u>3.120.673.000</u>	-	<u>3.475.600.532</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2017 là: 733.626.745 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 71.580.000 đồng.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	36.430.936.788	-	-	36.430.936.788
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	33.623.389.808	-	-	33.623.389.808
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(3.875.631.574)	(387.563.154)	-	(4.263.194.728)
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	(3.576.956.364)	(357.695.634)	-	(3.934.651.998)
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	(298.675.210)	(29.867.520)	-	(328.542.730)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	32.555.305.214	(387.563.154)	-	32.167.742.060
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	30.046.433.444	(357.695.634)	-	29.688.737.810
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	2.508.871.770	(29.867.520)	-	2.479.004.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu theo đồng tiền ghi sổ VNĐ là 50,08%. Căn cứ quy định tại điều 8, điều 9 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Điều lệ của CICT, theo đó, thực chất CICT không phải là Công ty con của Công ty.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) đến 31/12/2016 số tiền: 473.212.674.000 đồng. Cơ sở trích lập dự phòng, số lỗ lũy kế trên BCTC của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu, theo đó Công ty đã trích lập 100% số vốn đầu tư vào CICT đến thời điểm 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	15.857.429.375	15.857.429.375	11.564.871.915	11.564.871.915
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.442.071.512	3.442.071.512	1.469.664.801	1.469.664.801
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	332.152.833	332.152.833	164.603.166	164.603.166
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Đại Dương	1.025.884.000	1.025.884.000	-	-
- Công ty TNHH Vận tại hàng công nghệ cao	1.865.743.000	1.865.743.000	-	-
- Ban Quản lý dự án Hàng Hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Các đối tượng khác	2.526.245.030	2.526.245.030	3.265.270.948	3.265.270.948
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	15.857.429.375	15.857.429.375	11.564.871.915	11.564.871.915
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.774.224.345	3.774.224.345	1.634.267.967	1.634.267.967
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.442.071.512	3.442.071.512	1.469.664.801	1.469.664.801
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	332.152.833	332.152.833	164.603.166	164.603.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng-phải nộp	211.423.149	4.254.963.372	4.466.386.521	-
- Thuế thu nhập cá nhân	(896.310)	76.677.965	50.386.349	25.395.306
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	107.333.340	107.333.340	-
- Các loại thuế khác	-	67.788.977	67.788.977	-
	210.526.839	4.506.763.654	4.691.895.187	25.395.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	249.302.778	620.882.473
- Các khoản trích trước khác	249.302.778	620.882.473
b) Dài hạn	17.308.616.602	17.736.873.262
- Thuế nhà đất phải trả	17.308.616.602	17.736.873.262
	17.557.919.380	18.357.755.735

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.111.111.210	256.431.600
- Kinh phí công đoàn	39.767.465	95.387.168
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.071.343.745	161.044.432
+ <i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	<i>139.625.000</i>	<i>139.625.000</i>
+ <i>Đảng phí thu qua lương</i>	<i>2.046.660</i>	<i>1.686.845</i>
+ <i>Khoản thu hộ phải trả cho Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Hàng hải Đại Dương</i>	<i>1.879.672.085</i>	-
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>50.000.000</i>	<i>19.732.587</i>
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
	2.111.111.210	256.431.600

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	49.259.374.372	50.089.848.760
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	48.929.374.372	49.759.848.760
- Cho thuê kho A1-2 Quang Minh	330.000.000	330.000.000
	49.259.374.372	50.089.848.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.491.365.845)	(28.437.629.749)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(1.303.906.351)	(1.303.906.351)
31/12/2016	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.795.272.196)	(29.741.536.100)
01/01/2017	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.795.272.196)	(29.741.536.100)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.098.014.096	1.098.014.096
30/06/2017	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.697.258.100)	(28.643.522.004)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	206.550.000.000	206.550.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	34.615.620.000	53.000.000.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	105.884.380.000	87.500.000.000
	365.050.000.000	365.050.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a) Doanh thu	43.646.460.055	24.423.081.352
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.646.460.055	24.423.081.352
	<u>43.646.460.055</u>	<u>24.423.081.352</u>
b) Doanh thu với các bên liên quan	3.491.159.705	782.170.581
+ Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	1.762.256.900	723.948.729
+ Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.728.902.805	58.221.852

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	38.596.818.176	22.718.923.828
	<u>38.596.818.176</u>	<u>22.718.923.828</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.102.522	1.539.145
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.081.980
	<u>2.102.522</u>	<u>4.621.125</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Chi phí lãi vay	-	31.803.516
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.486.521
	<u>-</u>	<u>33.290.037</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.885.436.615	3.327.790.669
- Chi phí nhân viên quản lý	2.424.248.152	2.168.436.160
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	66.117.378	61.244.497
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.884.918	75.632.939
- Thuế phí lệ phí	4.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	884.410.052	624.860.917
- Chi phí bằng tiền khác	478.776.115	394.616.156
b. Các khoản chi phí bán hàng	109.157.597	383.824.577
- Chi phí nhân viên	61.169.436	330.589.793
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.440.619	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.547.542	51.471.134
- Chi phí bán hàng khác	-	1.763.650

24. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Chênh lệch hạch toán thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	334.846.020	415.565.196
- Các khoản khác	4.175.604	351.587.182
	339.021.624	767.152.378

25. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	275.214.516	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	407.170.638
- Các khoản chi phí khác	22.943.201	1.031.737
	298.157.717	408.202.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Diễn giải	Chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ sử dụng
Lỗi tính thuế phát sinh năm 2013 được chuyển cho các năm sau	119.761.580.494
Lỗi tính thuế phát sinh năm 2014 được chuyển cho các năm sau	81.519.575.270
Lỗi tính thuế phát sinh năm 2015 được chuyển cho các năm sau	171.781.222.521
Lỗi tính thuế phát sinh năm 2016 được chuyển cho các năm sau	36.443.988.022
Tổng cộng	409.506.366.307

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng phần chênh lệch tạm thời được khấu trừ do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai theo quyết định của Chuẩn mực kiểm toán số 17 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, để có thể sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗi tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận/ (Lỗ) hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.098.014.096	(1.677.176.631)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.505.000	36.505.000
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	30,1	(45,9)

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.969.956.494	1.114.886.629
Chi phí nhân công	4.500.245.470	1.912.135.390
Khấu hao tài sản cố định	1.297.091.461	996.502.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.216.622.994	4.141.368.858
Chi phí bằng tiền khác	1.094.218.350	2.518.936.679
	43.078.134.769	10.683.829.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.15.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.367.332.441	4.044.453.298
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.969.699.275	11.286.833.624
Cộng	18.337.031.716	15.331.286.922
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.106.732.153	12.185.754.388
Cộng	16.356.034.931	12.185.754.388
Trạng thái ròng	1.980.996.785	3.145.532.534

Trạng thái ròng

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản tiền gốc và tiền lãi (nếu có). Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	16.106.732.153	-	16.106.732.153
Cộng	16.356.034.931	-	16.356.034.931
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.185.754.388	-	12.185.754.388
Cộng	12.185.754.388	-	12.185.754.388

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.367.332.441	-	2.367.332.441
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.969.699.275	-	15.969.699.275
Cộng	18.337.031.716	-	18.337.031.716
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.453.298	-	4.044.453.298
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.286.833.624	-	11.286.833.624
Cộng	15.331.286.922	-	15.331.286.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại + USD	609,00	615,58

31.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	813.782.020
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	-	2.865.892.020

31.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty góp vốn liên doanh, liên kết

Thu nhập của ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc	422.805.636	349.210.365
Tiền lương, thưởng	422.805.636	349.210.365

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	18.000.336.954	6.916.562.440
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	14.684.570.813	4.072.332.664
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.315.766.141	2.844.229.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến 30/06/2017, lỗ lũy kế là 407.697.258.100 đồng, nguồn vốn chủ sở hữu âm là 28.643.522.004 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Tổng Giám đốc khi trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) với số tiền lũy kế là 473.212.674.000 đồng. Ngoài khoản dự phòng đầu tư tài chính trên, hoạt động kinh thông thường của Công ty vẫn đang bình thường. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn cam kết vẫn đang duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty một cách bình thường.

31.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố do thay đổi chính sách kế toán đối với khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết theo Quy định của tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017 được trình bày lại dưới đây, các chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ sẽ được trình bày bổ sung trên báo cáo tài chính năm.

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01/01/2017

Chỉ tiêu	Số điều chỉnh		
	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Tăng(+)/ Giảm(-)
NGUỒN VỐN			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	50.089.848.760	84.512.499.491	(34.422.650.731)
Lợi nhuận chưa phân phối	(408.795.272.196)	(443.217.922.927)	34.422.650.731



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kê toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập